

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày 29-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Tròn và Đoàn Trọng Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại: Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn B, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Nhân viên bán xăng dầu; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn K, sinh năm 1960 và bà Dương Thị H, sinh năm: 1960; Chồng là Võ Đại T, sinh năm: 1987 và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2017); Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/11/2020 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Anh Cao H, sinh năm: 2000; Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn B, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Công ty Cổ phần ND.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Thị trấn B, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Đại Ng, sinh năm: 1958; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc; Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn B, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Phạm Ngọc Q, sinh năm: 1964; Trú tại: Số 5, đường A , thị trấn B, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Anh Phạm Ngọc Q1, sinh năm: 1994; Trú tại: Số 5, đường A , thị trấn B, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Công B, sinh năm: 1974; Trú tại: Thôn HA, xã H, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Anh Dương Thái S, sinh năm: 1975; Trú tại: Tổ dân phố 2, Thị trấn B, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 03 tháng 10 năm 2020 Nguyễn Thị T (Là nhân viên bán xăng dầu của Công ty Cổ phần ND) đang đứng bán xăng ở bên ngoài cửa hàng, thấy anh Cao H, sinh năm 2000 cùng là nhân viên bán xăng dầu đang cất số tiền 12.802.000 đồng (số tiền bán xăng dầu tại cửa hàng trong ca trực của anh Hậu) vào tủ sắt trong phòng trực của cửa hàng nhưng không khóa tủ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, T đi vào phòng trực của cửa hàng và đóng cửa lại để không bị ai phát hiện, rồi mở tủ sắt lấy trộm số tiền 12.802.000 đồng của anh H. Sau đó, T cất giấu số tiền vừa mới lấy trộm của anh H bỏ vào tủ nhôm của mình tại phòng trực của cửa hàng.

Đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 04 tháng 10 năm 2020, anh H mở tủ sắt thì phát hiện số tiền 12.802.000 đồng đã bị mất trộm và báo cho ông Võ Đại Ng, sinh năm: 1958, là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc của Công ty Cổ phần ND về vụ việc bị mất trộm số tiền 12.802.000 đồng. Sau đó, Công ty đã tổ chức họp liên quan đến việc anh Hậu bị mất tiền nhưng Nguyễn Thị T không thừa nhận hành vi trộm cắp tiền của anh H.

Đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 05 tháng 10 năm 2020, Công ty Cổ phần ND đã trình báo Công an huyện Nam Đông. Sau khi làm việc với Công an huyện Nam Đông, T lo sợ bị phát hiện về hành vi trộm cắp của mình, nên lấy số tiền 12.802.000 đồng đã cất giấu đem đến đặt dưới tập sổ sách trên bàn trong phòng trực của cửa hàng và chờ cơ hội để báo cho mọi người biết là mình đã phát hiện ra số tiền của anh H bị mất trộm trước đó, nhằm che dấu hành vi trộm cắp của mình. Đến khoảng 18 giờ 55 phút cùng ngày, Nguyễn Thị T hô hoán với anh Phạm Ngọc Q1, sinh năm 1994 là nhân viên bán xăng dầu của cửa hàng, mình đã phát hiện số tiền mất trộm trước đó của anh H. Anh Q1 yêu cầu T để tiền ngay tại vị trí và anh Q1 điện thoại báo cho các anh H, Ng, Q, B để xác định có phải là số tiền 12.802.000 đồng bị mất trộm của anh H hay không. Sau đó, Nguyễn Thị T bị Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Đông triệu tập lên làm việc và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng thu giữ: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 12.802.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm lẻ hai nghìn đồng). Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an

huyện Nam Đông đã quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền 12.802.000 đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Cao H.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-NĐ ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông truy tố bị cáo: Nguyễn Thị T về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích về tính chất của vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại anh Cao H đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã trả lại số tiền 12.802.000 đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Cao H đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Cao H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Công ty Cổ phần ND, đại diện ông Võ Đại Ng cung cấp lời khai như trong giai đoạn điều tra, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, bị hại còn có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Vào khoảng 10 giờ 45 phút ngày 03 tháng 10 năm 2020 tại Phòng trực Cửa hàng Xăng dầu Khe Tre thuộc Công ty Cổ phần ND; địa chỉ: Tổ dân phố 2, Thị trấn B, huyện C, tỉnh Thừa Thiên Huế bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép số tiền 12.802.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm lẻ hai nghìn đồng), tiền bán xăng dầu tại cửa hàng trong ca trực của anh Cao H. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền là 12.802.000 đồng để tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có sức khỏe, nhận thức đầy đủ về xã hội, ý thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng do bản thân muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên đã lợi dụng sơ hở của bị hại để lén lút chiếm đoạt tài sản nhằm thu lợi bất chính, phục vụ nhu cầu bản thân, gây bức xúc, lo lắng trong nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, cho bị cáo có thời gian sửa chữa sai lầm, cải tạo thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng cách tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị T hiện đang nuôi hai con nhỏ (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2017), bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có

điều kiện, khả năng tự cải tạo trong cộng đồng. Thông qua việc học tập, cải tạo trong cộng đồng sẽ là bài học giáo dục, tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật trong quần chúng nhân dân nơi bị cáo cư trú. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo Tình ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục và ấn định một thời gian thử thách là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đang đang nuôi hai con nhỏ, bản thân không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Cao H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Nam Đông đã trả lại tài sản cho bị hại anh Cao H là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Thị T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với gia đình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- CQĐT Công an huyện Nam Đông;
- THAHS Công an huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Hồ Minh Thước**